

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỈNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 11 / 8 / 2020  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình, ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Ngọc Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên.

2. Ông Châu Cương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Văn Trường - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Neàng Sa Men, Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 240/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1990, địa chỉ: Tổ 2, ấp Vĩnh Đ, xã Vĩnh T, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lâm Hồng H, sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ 2, ấp Vĩnh Đ, xã Vĩnh T, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 8 năm 2019 và bản tự khai, nguyên đơn là bà Trần Thị Kim N trình bày:**

Bà và ông Lâm Hồng H chung sống với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2009 ngày 21/7/2009, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm chăm sóc gia đình từ đó tình cảm vợ chồng không hạnh phúc. Bà và ông H đã sống ly thân từ ngày 01/5/2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 người con chung tên Lâm A, sinh ngày 15/8/2009 và Lâm B, sinh ngày 15/8/2013 hiện do bà N đang nuôi dạy. Bà N yêu cầu được nuôi dạy cháu Lâm A và cháu Lâm B, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H đến trụ sở Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về yêu cầu khởi kiện của bà N nhưng ông H vắng mặt không có lý do.

#### **Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên:**

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên hồ sơ vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tố tụng tại phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án:

Bà N và ông H chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, từ lúc sống ly thân đến nay vợ chồng không liên lạc quan tâm chăm sóc cho nhau từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà N yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Cháu Lâm A và cháu Lâm B hiện do bà N đang nuôi dạy, cháu Lâm A và cháu Lâm B có nguyện vọng được sống với bà N. Do đó bà N yêu cầu được nuôi dạy cháu Hải và cháu Huy, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

Từ cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án và đã nộp tạm ứng án phí nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Bà N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Lâm Hồng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

Về hôn nhân: Bà N và ông H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn, huyện Hòa Đức, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2009 ngày 21/7/2009 đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của bà N thì bà và ông H phát sinh mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2014 do thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm chăm sóc gia đình, tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà và ông H đã sống ly thân từ ngày 01/5/2017 cho đến nay.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà N và ông H thì được ông Nguyễn Văn L (là cậu ruột của ông H) cho biết: Ông là người mai mối cho ông H và bà N đi đến hôn nhân. Trong quá trình chung sống do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, từ đó vợ chồng sống ly thân.

Ngoài ra trước khi bà N khởi kiện ly hôn thì giữa bà và ông H có làm tờ tự thỏa thuận ly hôn, phía ông H cũng đồng ý ly hôn với bà N.

Từ cơ sở trên xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà N yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà N và ông H có 02 người con chung tên Lâm A, sinh ngày 15/8/2009 và Lâm B, sinh ngày 15/8/2013. Xét thấy cháu Lâm A và

cháu Lâm B do bà N nuôi dạy từ khi bà và ông H sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Tại tòa tự thỏa thuận ly hôn, phía ông H cũng đồng ý giao cháu Lâm A và cháu Lâm B cho bà N nuôi dạy. Cháu Lâm A và cháu Lâm B có nguyện vọng được sống cùng với bà N. Do đó bà N yêu cầu được nuôi dạy cháu Lâm A và cháu Lâm B là có căn cứ chấp nhận. Bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim N.

Bà Trần Thị Kim N được ly hôn với ông Lâm Hồng H.

2. Về con chung:

Bà Trần Thị Kim N được nuôi dạy cháu Lâm A, sinh ngày 15/8/2009 và cháu Lâm B, sinh ngày 15/8/2013. Ông Lâm Hồng H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lâm Hồng H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0004647 ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Chi

cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Ông Lâm Hồng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện KSND huyện Tịnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Tịnh Biên;
- UBND xã Vĩnh Trung;
- UBND xã Bình Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Ngọc Dũng**









